

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Quý; Bà Hà Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện BT, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện BT tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện BT, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Q, sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn M, xã A, Huyện BT, tỉnh Thanh Hóa;

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn M, xã A, Huyện BT, tỉnh Thanh Hóa;

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/01/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Q trình bày: Chị và anh L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, cưới theo phong tục tập quán từ năm 2009, đến ngày 04/9/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Ái Thượng để làm khai sinh cho con. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn vì vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2020, quá trình ly thân hai bên cũng đã cố gắng hàn gắn, chị có về đoàn tụ với anh L vài tháng nhưng sau đó do không hòa hợp được nên tiếp tục ly thân. Từ đó cho đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân với anh L vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân Huyện BT giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương Thành L, sinh ngày 03/9/2010 và Trương Thành Y Nhi, sinh ngày 26/02/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với anh L và gia đình bên nội. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Yến Nhi, giao anh L nuôi cháu Thành Lưu, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản trình bày bổ sung ngày 14/4/2023 chị Q có nguyện vọng nếu anh L muốn nuôi cả 02 con chung thì chị cũng đồng ý và chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu anh L muốn chia đôi mỗi người nuôi 01 cháu thì chị giữ nguyên nguyện vọng nuôi cháu Yến Nhi, giao anh L nuôi cháu Thành Lưu, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Bị đơn anh Trương Văn L tại bản tự khai ngày 28/4/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/4/2023 trình bày: Anh và chị Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, cưới theo phong tục tập quán từ năm 2009, đến ngày 04/9/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Ái Thượng để làm khai sinh cho con. Hôn nhân hạnh phúc, do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên đi làm xa nhau dẫn đến chị Q phai nhạt về tình cảm với anh. Anh đã cố hàn gắn, níu kéo nhưng chị Q không quay về đoàn tụ, từ năm 2020 chị Q đi không về chung sống với anh nữa. Chị Q cương quyết ly hôn dù gia đình nội ngoại khuyên nhủ, anh đã cố hàn gắn nhưng không thay đổi được ý chí của chị Q. Nay anh thấy hai con còn nhỏ, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn, anh có nguyện vọng được đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trương Thành L, sinh ngày 03/9/2010 và Trương Thành Y Nhi, sinh ngày 26/02/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với anh, nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Q đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Q, bị đơn anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa cho công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ thu thập của bị đơn có trong hồ sơ và căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện BT phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 - BLTTDS. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Q, xử cho chị Trương Thị Q được ly hôn anh Trương Văn L.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trương Thành L, sinh ngày 03/9/2010 và Trương Thành Y Nhi, sinh ngày 26/02/2014 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến đủ tuổi thành niên. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Chị Q, anh L không yêu cầu xem xét nên miễn xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Q và anh L đều có hộ khẩu ở xã Ái Thượng, Huyện BT, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND Huyện BT được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Q và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/9/2013 tại UBND xã Ái Thượng, Huyện BT, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp được vì vậy từ năm 2020 vợ chồng đã ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, anh L xét thấy hai con còn nhỏ, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là đúng thực tế, phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án và việc này cũng đã được mẹ đẻ của anh L là bà Trương Thị Đức xác nhận. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Q được ly hôn anh L.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Thành L, sinh ngày 03/9/2010 và Trương Thành Y Nhi, sinh ngày 26/02/2014. Ly hôn chị Q và anh L đều đồng ý khi ly hôn giao 02 con chung cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, đây cũng là nguyện vọng của các cháu Thành Lưu và Yên Nhi, chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì vậy nguyện vọng của hai bên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Q, anh L không đề nghị tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Q được ly hôn anh Trương Văn L.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trương Thành L, sinh ngày 03/9/2010 và Trương Thành Y Nhi, sinh ngày 26/02/2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Q, anh L không đề nghị tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện BT theo biên lai số: AA/2022/0001988 ngày 30/01/2023. Chị Q đã nộp đủ án phí

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện BT;
- Các đương sự;
- UBND xã Ái Thượng;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA dân sự Huyện BT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Văn Nga

Nơi nhận:

- VKSND Huyện BT;
- Các đương sự;
- UBND xã Ái Thượng;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA dân sự Huyện BT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Vũ Văn Nga****HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM****Hội thẩm nhân dân****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Thị Quý

Hà Thị Tâm

Vũ Văn Nga